TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2019/HSST
Ngày 23/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Tươi.

+ Bà Đồng Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Việt Cường, Thư ký - Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N - tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Sinh, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và Tên: **Phạm Trọng T**, (Tên gọi khác: không); Giới tính: nam; Sinh năm 1992, tại Nam Định; Trú tại: thôn Đ, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Trọng T và bà Bùi Thị T; Vợ: Lã Thị Thanh H; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014;

Tiền án: Ngày 22/6/2015 TAND huyện Ý, tỉnh Nam Định xử phạt 24 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Ra trại ngày 06/12/2016.

Tiền sự: Ngày 27/11/2018 Công an thành phố T, tỉnh Ninh Bình ra Quyết định xử lý hành chính bằng hình thức "Cảnh cáo" về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy".

Bị cáo bị truy nã, bắt tạm giữ từ ngày 16/6/2019, chuyển tạm giam ngày 19/6/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay, (có mặt).

Bị hại: Công ty TNHH đầu tư và thương mại V; Địa chỉ: Số 10, ngõ 32, đường Đ, tổ 9, phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phương L - Chủ tịch kiêm giám đốc công ty, (Vắng mặt có lý do).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Lê Văn T1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 1559, tổ 18, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình, (Có mặt).

Người làm chứng:

- Anh Đào Ngọc H, (Vắng mặt).
- Ông Đinh Hồng P, (Vắng mặt).
- Anh Đinh Trung Đ, (Vắng mặt).
- Anh Lê Anh T2, (Vắng mặt).
- Anh Nguyễn Văn N, (Vắng mặt).
- Ông Đinh Văn Ả, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2018, Phạm Trọng T xin vào làm việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và thương mại V, có trụ sở giao dịch ở phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình do ông Nguyễn Phương L làm giám đốc. Sau khi được nhận vào làm việc trong Công ty, Phạm Trọng T được ông Nguyễn Phương L giao nhiệm vụ quản lý, trông coi tài sản trong kho hàng của Công ty đặt tại địa điểm Công ty cổ phần Cảng N thuộc phố P, phường B, thành phố N. Hàng ngày, Phạm Trọng T là người quản lý, chấm công cho công nhân và trực tiếp sử dụng chiếc xe nâng của Công ty để nâng, rỡ, bốc hàng. Hết giờ làm việc, T khóa cửa và quản lý chìa khóa kho hàng. Buổi tối T ngủ trực tại phòng nghỉ trên tầng 2 của Công ty cổ phần Cảng N để trông coi kho hàng và thực hiện các công việc đột xuất khi ông Nguyễn Phương L yêu cầu. Khi cần xuất, nhập hàng trong kho, ông Nguyễn Phương L thường gọi điện thông báo trước để T chủ động mở cửa kho hàng, điều khiển xe nâng vận chuyển xuất, nhập hàng trong kho. Đầu tháng 9/2018, Phạm Trọng T có vay của anh Lê Anh T2 sinh năm 1992 ở thôn P, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình số tiền 57.000.000 đồng hẹn vài ngày sau sẽ trả. Do không có khả năng thanh toán tiền cho anh T2 nên tối ngày 23/9/2018, Phạm Trọng T gọi điện cho anh Lê Anh T2 nói "*Anh có cái xe nâng gửi tạm ít hôm để anh thu xếp tiền trả em*", anh T2 có hỏi về nguồn gốc chiếc xe, T nói là xe của T, anh T2 đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Phạm Trọng T đi từ phòng nghỉ tầng 2 của Công ty cổ phần Cảng N xuống phòng nghỉ ở tầng 1 của công nhân lấy chìa khóa kho hàng đến mở cửa kho hàng, một mình điều khiển chiếc xe nâng hiệu Sumitomo FD 25 màu xanh, sức nâng 2,5 tấn đi từ trong kho hàng ra cổng Công ty cổ phần Cảng N thì gặp anh Đào Ngọc H sinh năm 1976 là bảo vệ của Công ty cổ phần Cảng N. Anh H hỏi "*Đánh xe đi đâu*", T nói dối "*Cho em ra ngoài để đi lấy dầu mai làm sớm*", anh H mở

barie chắn cổng, T điều khiển chiếc xe nâng đi theo hướng khu công nghiệp K. Khi đi đến cây xăng Linh Hương thuộc xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, T gọi điện báo cho anh Lê Anh T2. Vì anh T2 không có ở nhà nên gọi điện nhờ anh Nguyễn Văn N sinh năm 1994, trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình đón T đồng thời gửi số điện thoại của T cho anh N để liên lạc. Khoảng 5 phút sau anh N gọi điện cho T sau đó đi ra cây xăng Linh Hương đón và chỉ dẫn T điều khiển xe nâng đến nhà ông Đinh Văn Ả sinh năm 1959 ở xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình gửi. Sau khi gửi được xe, T thông báo cho T2 biết rồi bắt xe taxi đi đến nhà chị Nguyễn Thị D sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố 2, thị trấn Y, huyện H, tỉnh Nam Định. Đến ngày 21/10/2018, do không có tiền trả nợ cho anh Lê Anh T2 nên T nảy sinh ý định bán chiếc xe nâng. T sử dụng số điện thoại 0356165858 gọi điện vào số điện thoại 0987772777 của anh Lê Văn T1 sinh năm 1982 ở tổ 18, phường N, thành phố T, là thợ sửa chữa xe nâng nói muốn bán xe nâng, anh T1 có hỏi T "*sao lại bán xe, bán bao nhiêu*" T nói "*bán để mua xe mới, giá 70.000.000 đồng*", anh T1 đồng ý nói hôm sau đến xem xe. Ngày 23/10/2018, T gọi điện cho anh T1 nói xuống K xem xe sẽ có người ra đón. Sau đó T gọi điện cho anh T2 nói đã tìm được người mua xe và gửi số điện thoại của anh Lê Văn T1 cho anh T2 để liên lạc. Khi anh T1 đến cây xăng K thì được anh T2 dẫn đi xem xe. Quá trình kiểm tra thấy xe bị hỏng phanh, hộp số và bình điện nên anh T1 gọi điện cho T trả giá 60.000.000 đồng, T đồng ý. Sau đó anh T1 bớt 200.000 đồng để thuê vận chuyển xe, T đồng ý và bảo anh T1 giao tiền cho anh T2, anh T1 đồng ý. Sau khi bán được chiếc xe nâng, T bảo với anh T2 trừ số tiền 57.000.0000 đồng T nợ, số tiền 2.800.000 đồng còn lại anh T2 chuyển tiền cho T. Đến ngày 24/10/2018 T nói với chị D mượn số tài khoản Ngân hàng để nhận tiền của bạn gửi, chị D đồng ý và cho T mượn số tài khoản là 102002248685 mang tên Nguyễn Thị D. T nhắn tin số tài khoản này cho anh T2. Do không có tài khoản Ngân hàng nên anh T2 nhờ anh Trịnh Văn T sinh năm 1988, trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình chuyển số tiền 2.800.000 đồng từ tài khoản 02210000031777 vào tài khoản của chị Nguyễn Thị D cho T. Đến ngày 24/10/2018 chị D nhận được số tiền 2.800.000 đồng và đã lấy tiền mặt của mình đưa cho T. Số tiền 2.800.000 đồng T sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 25/3/2019 T nghỉ làm ở nhà chị D, bỏ lên Hà Nội.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N thu giữ của anh Lê Văn T1 01 chiếc xe nâng tự hành hiệu Sumitomo FD 25 màu xanh bị thiếu càng nâng hàng. Thu của anh Tống Duy T sinh năm 1968, trú tại đội 7, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình 01 bản phô tô giấy chứng nhận chất lượng thiết bị chuyên dụng của Bộ Công thương số 1051/17-CL. Thu của chị Lê Thị N sinh năm 1973 là cán bộ công ty cổ phần Cảng N 01 bản sao y hợp đồng kinh tế số 40/HĐKT/2018/CNP-BM ngày 01/6/2018 giữa Công ty TNHH đầu tư thương mại V và Công ty cổ phần Cảng N. Thu giữ của anh Nguyễn Phương L 01giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH đầu

tư và thương mại V, 01 bản sao công chứng giấy chứng nhận chất lượng thiết bị chuyên dụng của chiếc xe nâng, 01 giấy bán xe ghi ngày 19/3/2019, 01 bản sao có công chứng giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Phương L, 01 bản sao công chứng chứng minh thư nhân dân mang tên Tống Duy T.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 95 ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố N, kết luận: trị giá chiếc xe nâng tự hành nhãn hiệu Sumitomo FD 25 sức nâng 2,5 tấn là 84.000.000 đồng.

- Tại bản cáo trạng số 88/CT-VKS ngày 23/7/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Phạm Trọng T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; theo điểm c khoản 2, khoản 5 điều 175 Bộ luật hình sự (BLHS).

- Tại phiên tòa bị cáo Phạm Trọng T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận số 95 ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố N.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Phạm Trọng T đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; xử phạt Phạm Trọng T từ 27 đến 33 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho anh Lê Văn T1 số tiền 59.800.000 đồng.

- Về án phí áp buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết

định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với các bản kiểm điểm và lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và vật chứng đã thu giữ. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận khoảng 22 giờ ngày 23/9/2018, lợi dụng sự tin tưởng của anh Nguyễn Phương L là giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và thương mại V, trụ sở ở phường B, thành phố T, tỉnh Ninh Bình giao cho Phạm Trọng T quản lý, trông coi kho hàng của Công ty trong đó có chiếc xe nâng tự hành FD25 màu xanh sức nâng 2,5 tấn tại Công ty cổ phần Cảng N thuộc phố P, phường B, thành phố N, Phạm Trọng T đã chiếm đoạt chiếc xe nâng trên, theo kết luận định giá tài sản số 95 ngày 28/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố N, trị giá tài sản là 84.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, phạm tội do lỗi cố ý; Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo T đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", thuộc trường hợp *"Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"*, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 điều 175 BLHS.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo có 01 tiền án 24 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" chưa được xóa án tích do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm" được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra ban đầu bị cáo không có mặt tại địa phương, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra quyết định truy nã đối với Phạm Trọng T. Đến ngày 15/6/2019 Phạm Trọng T đến Công an phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo; Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ

phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho bị cáo rèn luyện, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 175 BLHS: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Căn cứ vào tính chất, mức độ, nguyên nhân và điều kiện phạm tội, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về các biện pháp tư pháp: Anh Lê Văn T1 là người có quyền lợi liên quan đến vụ án yêu cầu Phạm Trọng T phải bồi thường cho anh số tiền mua chiếc xe nâng là 59.800.000 đồng, riêng chi phí sửa chữa xe không lớn nên anh T1 không yêu cầu đề nghị gì; Quá trình mua xe anh T1 không biết chiếc xe trên là tài sản do T chiếm đoạt được mà có; chiếc xe trên đã bị thu hồi trả cho anh Nguyễn Phương L là chủ sở hữu; Vì vậy yêu cầu của anh T1 là có căn cứ cần chấp nhận và buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh T1 số tiền 59.800.000 đồng.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho anh Nguyễn Phương L là chủ sở hữu 01 chiếc xe nâng hiệu Sumitomo màu xanh sức nâng 2,5 tấn là phù hợp. Đối với 01 bộ càng xe bị thiếu, giá trị tài sản nhỏ nên anh L không yêu cầu đề nghị Phạm Trọng T và anh Lê Văn T1 phải bồi thường vì vậy HĐXX không xét.

[5]. Về xử lý vật chứng:

+ Đối với chiếc điện thoại và sim số 0356165858, T dùng để liên lạc giao dịch bán chiếc xe nâng, T khai đã đánh mất chiếc điện thoại cùng sim số 0356165858 không nhớ ở đâu nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N không thu hồi được.

+ 01giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH đầu tư và thương mại V, 01 bản sao y hợp đồng kinh tế số 40/HĐKT/2018/CNP-BM ngày 01/6/2018 giữa Công ty TNHH đầu tư thương mại V và Công ty cổ phần Cảng N, 01 bản sao công chứng giấy chứng nhận chất lượng thiết bị chuyên dụng của của Bộ Công thương số 1051/17-CL, 01 giấy bán xe ghi ngày 19/3/2019, 01 bản sao có công chứng giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Phương L, 01 bản sao công chứng chứng minh thư nhân dân mang tên Tống Duy T được chuyển theo hồ sơ vụ án.

[6] Các vấn đề khác: Đối với anh Lê Anh T2 là người cho Tuân gửi chiếc xe nâng, được T nhờ đón anh T1 vào để xem và bán chiếc xe nâng, anh T2 không biết chiếc xe nâng là do T chiếm đoạt được mà có. Ông Đinh Văn Ả khai tối ngày 23/9/2018 ông đi trông đầm cá tại xã K, huyện Y nên không biết việc Nguyễn Văn N dẫn T mang chiếc xe nâng để nhờ ở nhà của ông, ông không biết nguồn gốc chiếc xe nâng là của ai. Anh Nguyễn Văn N là người được anh T2 nhờ dẫn T gửi chiếc xe nâng

ở nhà ông Ả, N không biết là tài sản của ai. Anh Lê Văn T1 là người mua chiếc xe nâng hiệu Sumitomo của Phạm Trọng T, quá trình mua xe anh T1 không biết chiếc xe trên là tài sản do Phạm Trọng T chiếm đoạt được mà có. Anh Trịnh Văn T là người được anh Lê Anh T2 nhờ chuyển số tiền 2.800.000 đồng cho T, chị Nguyễn Thị D là người được Phạm Trọng T nhờ nhận số tiền 2.800.000 do anh T2 chuyển, anh Thọ và chị D không biết đó là tiền T có được do phạm tội mà có. Do đó không đủ căn cứ để xử lý đối với anh T2, ông Ả, anh N, anh T1, anh thọ, chị D.

[7]. Về án phí:

+ Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

+ Án phí dân sự bị cáo phải nộp 5% trên số tiền có nghĩa vụ phải bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 46 Bộ luật hình sự. Các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Khoản 2 các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Các điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Trọng T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"; Xử phạt bị cáo Phạm Trọng T 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/6/2019.

2. Về các biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Phạm Trọng T phải có trách nhiệm hoàn trả cho anh Lê Văn T1 số tiền 59.800.000 đồng (Năm mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự, kể từ ngày anh Thành có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo Tuân chậm trả tiền thì bị cáo Tuân còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí: Buộc bị cáo Phạm Trọng T phải chịu 200.000[đ] án phí hình sự sơ thẩm và 2.990.000 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng) án phí dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

- Bị cáo Tuân, anh Thành có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố N;
- Công an thành phố N;
- Trại tạm giam Ninh bình;
- Chi cục THADS thành phố N;
- Thi hành án HS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Sở Tư pháp Ninh Bình;
- Lưu (Hồ sơ, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình